

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHƯ PRÔNG
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2022/HNGĐ-ST
Ngày 31/5/2022
“Ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯ PRÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Trung Thực.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Bình.

2. Ông Trương Công Chự.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hà Đức Quang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Nhất Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 180/2021/TLST-HNGĐ ngày 26/10/2021 về việc “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị X, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Thôn H, xã D, huyện CP, tỉnh Gia Lai.

Bị đơn: Anh Trần Văn T, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Thôn H, xã D, huyện CP, tỉnh Gia Lai.

Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện, Bản tự khai, Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, nguyên đơn chị Trần Thị X trình bày: Chị và anh Trần Văn T qua tìm hiểu tự nguyện và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện S, tỉnh T vào ngày 30/12/1999; Bước đầu sống chung hạnh phúc.

Mâu thuẫn do hai vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên cãi nhau, anh T thường xuyên rượu chè cờ bạc về đánh đập chị, chị đã nhiều lần

khuyến nủ nhưng anh T không thay đổi hiện nay giữa chị và anh T đã ly thân không quan tâm gì đến cuộc sống của nhau nữa.

Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng đã hết, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Văn T.

Về con chung: Có 02 con chung là Trần Thị Thu U, sinh năm 2000 (Đã trưởng thành và tự lập được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; Trần Quang H, sinh ngày 15/02/2004.

Hiện tại hai cháu Trần Thị Thu U và Trần Quang H đều đã trưởng thành và tự lập được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, Toà án đã thực hiện việc tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng để triệu tập bị đơn anh Trần Văn T đến làm việc, nhưng anh T không có mặt theo nội dung triệu tập của Tòa án. Do vậy, hồ sơ vụ án không có lời khai của anh T.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn là chị Trần Thị X giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ly hôn với anh Trần Văn T.

Các tài liệu, chứng cứ trong vụ án gồm có: Thông báo số định danh cá nhân và thông tin công dân; giấy chứng minh nhân dân của nguyên đơn, bị đơn bản sao y; Giấy chứng nhận kết hôn bản sao y; Chứng cứ Tòa án thu thập được: Bản tự khai của nguyên đơn, biên bản xác minh, biên bản lấy lời khai.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

- Về việc tuân theo pháp luật của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng: Đảm bảo theo quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành đúng theo quy định tại khoản 16 Điều 70 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm về tố tụng: Không.

- Về nội dung đề nghị căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14

+ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị X đối với anh Trần Văn T.

+ Về con chung: Không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu không giải quyết.

+ Về án phí: Buộc nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, các tài liệu có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Trần Thị X yêu cầu Toà án giải quyết việc ly hôn với anh Trần Văn T; Đơn khởi kiện của chị X phù hợp quy định tại Điều 189 Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Trần Văn T hiện cư trú tại thôn H xã D, huyện CP, tỉnh Gia Lai, nên Tòa án nhân dân huyện CP, tỉnh Gia Lai thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị Trần Thị X có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Trần Văn T vắng mặt do vậy toà án nhân dân huyện CP xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn:

Chị Trần Thị X và anh Trần Văn T có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện S, tỉnh T vào ngày 30/12/1999. Chị X và anh T kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và có đăng ký kết hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, chị X và anh T chung sống hạnh phúc một thời gian sau đó thì thường xuyên phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là do anh T cứ thường xuyên rượu chè cờ bạc về đánh đập chị, chị đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng anh T không thay đổi hiện nay giữa chị và anh T đã ly thân không quan tâm gì đến cuộc sống của nhau nữa.

Xét thấy tình trạng hôn nhân của chị X và anh T là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị X.

[3] Về con chung: Chị Trần Thị X và anh Trần Văn T có 02 con chung là: Trần Thị Thu Uyên, sinh năm 2000 và Trần Quang Huy, sinh ngày 15/02/2004.

Hiện tại hai cháu đều đã trưởng T và tự lập được chị X không yêu cầu Tòa án giải quyết là phù hợp. Vì vậy về con chung: không đề cập giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc chia tài sản chung và nghĩa vụ thanh toán chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Trần Thị X phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí trước đây là 300.000đ theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006316 ngày 26/10/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai. Chị Trần Thị X đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Điều 195; Điều 220; khoản 1 Điều 228; Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 51; 53; 56 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị X.

1. Về quan hệ hôn nhân Xử: Chị Trần Thị X được ly hôn với anh Trần Văn T.
2. Về con chung: Không đề cập giải quyết.
3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Không đề cập giải quyết.
4. Về án phí: Chị Trần Thị X phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí trước đây là 300.000đ theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006316 ngày 26/10/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Chư Prông – tỉnh Gia Lai. Chị Trần Thị X đã nộp đủ án phí sơ thẩm.
5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Chư Prông;
- Chi cục THADS huyện Chư Prông;
- Các đương sự;
- UBND xã N, H. Sơ, T. T (Nơi ĐKKH);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Ngô Trung Thực

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Bình Trương Công Chự

Ngô Trung Thực